TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP. HCM
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN

BÀI GIẢNG DẠNG VĂN BẢN (SCRIPT)

Môn học: Kinh doanh ngoại hối

Chương 2: Tỷ giá hối đoái

Chủ đề 4: Trạng thái ngoại tệ và luồng tiền

Chủ đề cuối cùng của chương 2 là Trạng thái ngoại tệ và luồng tiền. Chủ đề này sẽ giới thiệu đến các bạn khái niệm về trạng thái ngoại tệ và luồng tiền cũng như ý nghĩa của việc quản lý và cân bằng các trạng thái này để phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá và lãi suất tại các doanh nghiệp cũng như ngân hàng thương mại.

Mục tiêu của chủ đề 4 gồm có:

- Giới thiệu đến bạn học khái niệm trạng thái ngoại tệ và luồng tiền cũng như ý nghĩa và những rủi ro phát sinh của các trạng thái này tại các doanh nghiệp và ngân hàng.
- Hướng dẫn các bạn xác định cách ghi nhận các giao dịch vào bảng theo dõi trạng thái ngoại tệ và luồng tiền cũng như cách cân bằng trạng thái để tránh rủi ro tỷ giá và lãi suất.

1. Trạng thái luồng tiền

Trong hoạt động kinh doanh ngoại hối, vấn đề quản lý rủi ro rất quan trọng. Vì tỷ giá các đồng tiền sẽ biến động liên tục theo cung cầu khách quan trên thị trường nên việc tỷ giá tăng hoặc giảm sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận cũng như chi phí của nhà đầu tư.. Môn học kinh doanh ngoại hối sẽ giới thiệu cho người học các kĩ thuật nghiệp vụ để phòng ngừa và quản lý những rủi ro liên quan đến biến động tỷ giá ở các chương tiếp theo. Tuy nhiên, để sử dụng được các công cụ phòng ngừa rủi ro này thì điều trước tiên chúng ta phải xác định được chúng ta có đang gặp phải rủi ro hay không.

Trên thị trường ngoại hối một thuật ngữ hay được nhắc đến đó là “cân bằng trạng thái” hay “square trạng thái”. Đây là việc mà các ngân hàng hay các nhà đầu tư thường thực hiện để tránh khỏi các rủi ro do biến động thị trường gây ra, bao gồm cả rủi ro tỷ giá và lãi suất. Vậy cân bằng trạng thái là gì?

Để hiểu thế nào là cân bằng trạng thái, chúng ta cần nắm vững hai khái niệm là trạng thái ngoại tệ và luồng tiền.

1.1. Trạng thái luồng tiền

Luồng tiền, tiếng Anh gọi là Cash Flow là thuật ngữ dùng để chỉ các nguồn tiền thu vào hay các nguồn tiền chi trả. Luồng tiền sẽ phát sinh khi có bất kỳ các khoản tiền nào được thu vào hay chi trả ra với bất kể nguyên nhân nào. Các nguồn tiền thu vào được gọi là Inflow of cash – Luồng tiền vào. Nguồn tiền chi trả ra được gọi là Outflow of cash – Luồng tiền ra. Các nguyên nhân có thể làm phát sinh luồng tiền vào/ hay là các khoản phải thu có thể là: Nhận tiền từ chủ thể khác, mua thêm loại tiền đó, đi vay tiền, … Những nguyên nhân làm phát sinh luồng tiền đi ra – Outflow có thể là khi phải trả tiền, thanh toán tiền, cho vay, đi gửi tiền, … Các luồng tiền vào và luồng tiền ra này được xác định tại một thời điểm cụ thể.

1.2. Các giao dịch phát sinh trạng thái luồng tiền

Hãy xem một số ví dụ sau để nhận biết được dòng tiền vào và dòng tiền ra.

Ví dụ 1: Ngày hôm nay, nhà đầu tư A thực hiện các giao dịch sau:

1. Nhận gốc và lãi khoản tiền gửi đến hạn trị giá VND120,000,000
2. Nộp tiền vào tài khoản kí quỹ tại ngân hàng số tiền VND20,000,000
3. Mua giao ngay USD10,000 tại mức tỷ giá S(USD/VND): 23,200
4. Gửi tiết kiệm kỳ hạn 3 tháng số tiền VND100,000,000
5. Nhận lãi từ tài khoản tiền gửi số tiền VND15,000,000

Hãy thử xem trong trường hợp của nhà đầu tư A, dòng tiền sẽ thay đổi như thế nào trong ngày:

- Trong ngày hôm nay, các khoản tiền vào (Inflow) của nhà đầu tư A là:
  - VND120,000,000. Lý do phát sinh: Nhận gốc và lãi tài khoản tiền gửi đến hạn
  - USD10,000. Lý do phát sinh: Mua giao ngay USD

- VND15,000,000. Lý do phát sinh: Nhận lãi tài khoản tiền gửi

Vậy tổng các khoản tiền vào trong ngày của nhà đầu tư A là:

- VND: 120,000,000 + 15,000,000 = 135,000,000
- USD: 10,000

- Trong ngày hôm nay, các luồng tiền ra của nhà đầu tư A là:
  - VND20,000,000. Lý do phát sinh: Nộp tiền vào tài khoản
  - VND232,000,000. Lý do phát sinh: Trả tiền mua USD
  - VND100,000,000. Lý do: Gửi tiết kiệm

Vậy tổng các khoản tiền ra trong ngày của nhà đầu tư A là:

- VND: 20,000,000 + 232,000,000 + 100,000,000 = 352,000,000
- USD: Không phát sinh

So sánh các khoản tiền thu vào và các khoản tiền chi ra trong ngày, chúng ta thấy, cuối ngày, số tiền mà nhà đầu tư này có là:

- VND: 135,000,000 – 352,000,000 = -217,000,000
- USD: 10,000

1.3. Ghi nhận trạng thái luồng tiền

Phần chênh lệch giữa luồng tiền vào (Inflow) và luồng tiền ra (Outflow) được gọi là Trạng thái luồng tiền ròng – Net Cash flow của nhà đầu tư A. Các giao nhận trên có thể được ghi nhận vào bảng theo dõi trạng thái luồng tiền như sau:

Bảng 1:

Ngày	**Giao dịch**	**Luồng tiền**	
		USD	**VND**
Hôm nay	1. Nhận gốc và lãi TK tiền gửi đến hạn		+ 120,000,000
	2. Nộp tiền vào tài khoản kí quỹ		- 20,000,000
	3. Mua giao ngay USD	+10,000	-232,000,000

	4. Gửi tiền tiết kiệm		- 100,000,000
	5. Nhận lãi tiền gửi		+ 15,000,000
Trạng thái cuối ngày		**+ 10,000**	**-217,000,000**

1.4. Ý nghĩa của việc theo dõi trạng thái luồng tiền:

Khi ghi nhận các luồng tiền phát sinh trong ngày, đến cuối ngày, chúng ta sẽ xác định được trạng thái luồng tiền ròng trong của ngày hôm đó. Trạng thái luồng tiền ròng cuối ngày có thể rơi vào các trường hợp sau:

- Trạng thái luồng tiền ròng dương: (Net Cash flow >0), nghĩa là ngày hôm đó tổng số tiền vào lớn hơn tổng số tiền phải chi trả ra. Đồng nghĩa với việc, vào cuối ngày, nhà đầu tư nắm giữ một lượng tiền, chính là chênh lệch giữa lượng tiền vào và lượng tiền ra. Lượng tiền dư thừa này có thể làm gì? Lượng tiền dư thừa này có thể mang đi đầu tư, đi gửi để lấy lãi suất. Vì có một khối lượng tiền dưa thừa nên nếu lãi suất trên thị trường tăng lên, nhà đầu tư sẽ thu được lãi. Nhưng nếu lãi suất trên thị trường giảm xuống, lợi nhuận của nhà đầu tư sẽ bị sụt giảm. Như vậy, lợi nhuận của nhà đầu tư đối với khoản luồng tiền ròng này sẽ phụ thuộc vào lãi suất trên thị trường.
- Trạng thái luồng tiền ròng âm: (Net cash flow < 0), nghĩa là ngày hôm đó, tổng số tiền phải chi trả lớn hơn tổng số tiền thu vào. Dẫn đến cuối ngày, nhà đầu tư sẽ rơi vào trạng thái thâm hụt tiền. Để xử lý số tiền thâm hụt này, nhà đầu tư có thể đi vay, đi mượn để thực hiện các nghĩa vụ chi trả trong ngày. Do đó, nếu lãi suất trên thị trường tăng sẽ làm chi phí đi vay đi mượn tăng lên.
- Trạng thái luồng tiền ròng cân bằng: (Net cash flow = 0), nghĩa là vào ngày hôm đó, tổng lượng tiền thu vào và lượng tiền chi ra bằng nhau. Đồng nghĩa với việc đến cuối ngày sẽ không có tình trạng dư thừa hay thâm hụt tiền. Và vì thế nên việc lãi suất tăng hay giảm cũng không ảnh hưởng đến chi phí hay lợi nhuận của nhà đầu tư.

- Ví dụ minh hoạ:

  Giả sử, trạng thái luồng tiền ròng cuối ngày 03/02 của nhà đầu tư như sau:

  - Trường hợp 1: Net cash flow = VND100,000,000
  - Trường hợp 2: Net cash flow = - VND100,0000,000
  - Trường hợp 3: Net cash flow = 0 VND

Hãy xem xét rủi ro của nhà đầu tư này trong 3 trường hợp trên.

Net cash flow	Rủi ro
Net cash flow > 0 VND100,000,000	Nhà đầu tư dư thừa tiền vào cuối ngày và có thể gửi tiền để hưởng lãi suất. Nếu lãi suất trên thị trường tăng lên → Lãi suất gửi tiền cao hơn → Thu được nhiều lãi hơn. Nếu lãi suất trên thị trường giảm → Lãi suất gửi tiền thấp hơn → Thu được ít số tiền lãi hơn.
Net cash flow <0 -VND100,000,000	Nhà đầu tư thiếu hụt tiền vào cuối ngày và cần phải bù đắp khoản thiếu hụt này bằng cách đi vay vốn. Nếu lãi suất trên thị trường tăng → Phải vay vốn với lãi suất cao → Phải trả số tiền lãi nhiều hơn Nếu lãi suất trên thị trường giảm → Được vay vốn với lãi suất thấp hơn → Số tiền lãi phải trả ít hơn
Net cash flow = 0	Cuối ngày, nhà đầu tư không dư thừa hay thiếu hụt tiền. Do đó, việc lãi suất trên thị trường tăng lên hay giảm xuống cũng không ảnh hưởng đến thu nhập hay chi phí của nhà đầu tư

Kết luận:

→ Khi trạng thái luồng tiền ròng cuối ngày khác 0 → Nhà đầu tư có thể gặp phải rủi ro tỷ giá khi lãi suất biến động

→ Khi trạng thái luồng tiền ròng cuối ngày bằng 0 → Nhà đầu tư sẽ không phải gặp phải rủi ro khi lãi suất biến động.

→ Muốn tránh được rủi ro do lãi suất biến động, nhà đầu tư phải duy trì trạng thái luồng tiền ròng bằng 0, hay nói cách khác là phải duy trì trạng thái luồng tiền cân bằng vào cuối ngày.

2. Trạng thái ngoại tệ

2.1. Khái niệm trạng thái ngoại tệ

Theo quy định tại Thông tư 07/2012/TT-NHNN quy định về trạng thái ngoại tệ của các Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ban hành ngày 20/03/2012 giải thích: Trạng thái ngoại tệ được hiểu là chênh lệch giữa tổng tài sản Có và tổng tài sản Nợ bằng

ngoại tệ, bao gồm cả các cam kết nội bảng tương ứng tại một thời điểm của một loại ngoại tệ. Nếu tài sản có lớn hơn tài sản nợ thì trạng thái ngoại hối của loại ngoại tệ đó dương. Còn nếu tài sản có nhỏ hơn tài sản nợ thì trạng thái ngoại hối của loại ngoại tệ đó là âm.

Nói đến khái niệm trạng thái ngoại tệ, chúng ta có khái niệm trạng thái ngoại tệ dương và trạng thái ngoại tệ âm.

- Trạng thái ngoại tệ dương (Positive FX Position): Là trạng thái ngoại tệ được phát sinh từ các giao dịch làm tăng quyền sở hữu về một loại ngoại tệ. Các giao dịch có thể làm tăng quyền sở hữu về một loại ngoại tệ có thể là:
  - Giao dịch mua thêm ngoại tệ
  - Giao dịch thu phí bằng ngoại tệ
  - Giao dịch *ghi nhận thu nhập từ lãi* khi cho vay hay đi gửi ngoại tệ, …
- Trạng thái ngoại tệ âm (Negative FX Position): Là trạng thái ngoại tệ được phát sinh từ các giao dịch làm giảm quyền sở hữu về một loại ngoại tệ. Các giao dịch có thể làm giảm quyền sở hữu về ngoại tệ có thể là:
  - Giao dịch bán bớt đi ngoại tệ
  - Giao dịch trả phí bằng ngoại tệ
  - Giao dịch ghi nhận chi phí lãi vay khi đi vay
- Trạng thái ngoại tệ ròng (Net FX Position): Là chênh lệch giữa trạng thái ngoại tệ dương và trạng thái ngoại tệ âm.

2.2. Các giao dịch làm phát sinh trạng thái ngoại tệ

Để hiểu rõ hơn về trạng thái ngoại tệ hãy cùng xem xét một số tình huống sau đây:

Ngày hôm nay, tại một ngân hàng X phát sinh các giao dịch như sau:

1. Khách hàng A bán giao ngay USD100,000 cho ngân hàng. Tỷ giá ngân hàng niêm yết là $S_{(USD/VND)}$: 22,700 – 22,770
2. Công ty B mua kỳ hạn USD100,000 từ ngân hàng với tỷ giá $F_{1M(USD/VND)}$: 22,795
3. Ngân hàng X vay ngân hàng bạn USD500,000 với lãi suất 1.7%/năm. Thời hạn: 3 tháng (92 ngày)
4. Khách hàng C vay USD250,000 từ ngân hàng X. Lãi suất 4.5%/năm. Kỳ hạn: 1 tháng (31 ngày)

Hãy xem xét trạng thái ngoại tệ và cả trạng thái luồng tiền của ngân hàng sẽ thay đổi như thế nào khi phát sinh các giao dịch trên.

- Giao dịch 1: Khách hàng A bán giao ngay USD100,000 cho ngân hàng.
  Khi khách hàng bán giao ngay 100.000 USD cho ngân hàng, tài sản USD của ngân hàng sẽ tăng lên, nghĩa là sẽ phát sinh trạng thái ngoại tệ dương. Đồng thời, vì ngân hàng nhận vào USD100,000 nên cũng làm phát sinh trạng thái luồng tiền vào USD và phát sinh trạng thái luồng tiền ra VND tương ứng với số tiền VND ngân hàng phải trả cho khách hàng. Tỷ giá áp dụng trong trường hợp này là tỷ giá ngân hàng mua vào $S_{b(USD/VND)}$: 22,700
- Giao dịch 2: Công ty B mua kỳ hạn USD100,000 từ ngân hàng
  Khi công ty B mua USD kỳ hạn từ ngân hàng nghĩa là ngân hàng cam kết sẽ bán USD cho cho công ty với mức tỷ giá kỳ hạn thoả thuận là $F_{1M(USD/VND)}$: 22,795. Cam kết bán này đồng nghĩa với việc quyền sở hữu USD của ngân hàng sẽ giảm đi số tiền USD tương ứng. Tuy nhiên, vì đây là hợp đồng kỳ hạn, nên việc chuyển giao USD cho khách hàng và nhận về VND từ giao dịch này sẽ được thực hiện vào 1 tháng tới. Như vậy, ngày hôm nay, trạng thái luồng tiền của ngân hàng chưa bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, về quyền sở hữu ngoại tệ lại ghi nhận giảm đi USD100,000.
- Giao dịch 3: Ngân hàng X vay ngân hàng bạn USD500,000
  Khi ngân hàng X vay USD500,000 từ ngân hàng khác, ngân hàng X sẽ nhận được số tiền USD cần vay. Vì vậy, sẽ làm phát sinh trạng thái luồng tiền vào USD500,000. Mặt khác, khi kí hợp đồng vay USD, ngân hàng X đã xác định được số tiền lãi vay phải trả khi đến hạn. Đây chính là chi phí của hoạt động đi vay. Do đó, ngay tại thời điểm ký hợp đồng vay vốn, tại ngân hàng X sẽ phát sinh trạng thái ngoại hối âm *bằng chính số tiền lãi vay phải trả*. Số tiền lãi vay được tính như sau: Lãi vay = Số tiền gốc x Lãi suất x Số ngày thực vay/365
  = 500,000 x 1.7% x 92/365 = USD2,142.47
- Giao dịch 4: Khách hàng C vay USD250,000 từ ngân hàng X
  Khi khách hàng vay USD, ngân hàng sẽ giải ngân và giao USD cho khách hàng. Do đó làm phát sinh luồng tiền ra tại ngân hàng. Mặt khác, khi cho khách hàng vay USD, ngân hàng sẽ thu được lãi vay. Đây chính là thu nhập của ngân hàng khi cho vay. Số tiền lãi này có thể xác định ngay tại thời điểm ký hợp đồng cho vay. Tuy nhiên, khách hàng chỉ thật sự trả lãi cho ngân hàng khi đến hạn. Do đó, với giao dịch cho khách hàng vay USD, trạng thái ngoại hối của ngân hàng sẽ tăng lên *chính số tiền lãi sẽ thu được trong tương lai*. Số tiền lãi vay được tính như sau:
  Lãi vay = Số tiền gốc x Lãi suất x Số ngày thực vay/365
  = 250,000 x 4.5% x 31/365 = USD955.48

2.3. Ghi nhận trạng thái ngoại tệ

Các giao dịch trên được ghi nhận vào trạng thái ngoại tệ và luồng tiền tại ngân hàng X như sau:

Ngày	Giao dịch	Trạng thái ngoại tệ (USD)	Trạng thái luồng tiền	
			USD	VND
Hôm nay	1. Ngân hàng mua giao ngay USD	+ 100,000	+ 100,000	- 2,270,000,000
	2. Ngân hàng bán kỳ hạn USD	- 100,000		
	3. Ngân hàng đi vay USD	- 2,142.47	+ 500,000	
	4. Ngân hàng cho vay USD	+ 955.48	- 250,000	
Trạng thái ròng cuối ngày		*-1,186.99*	*+350.000*	*-2,270,000,000*

2.4. Ý nghĩa của việc theo dõi trạng thái ngoại tệ

Trạng thái ngoại tệ phản ánh trạng thái ròng về về tài sản của một loại ngoại tệ tại một thời điểm xác định. Khi ghi nhận, trạng thái ngoại tệ ròng có thể rơi vào các trường hợp như sau:

- Trạng thái ngoại tệ dương (Positive FX Position): Thể hiện tài sản có ngoại tệ lớn hơn tài sản nợ ngoại tệ. Tương đương với việc tài sản ngoại tệ của nhà đầu tư tăng lên tại thời điểm ghi nhận. Như vậy, nếu tỷ giá ngoại tệ đó tăng lên sẽ làm tăng giá trị tài sản ngoại tệ của nhà đầu tư. Ngược lại, tỷ giá ngoại tệ đó giảm thì tài sản của nhà đầu tư sẽ giảm giá trị.
- Trạng thái ngoại tệ âm (Negative FX Position): Trạng thái ngoại tệ âm đồng nghĩa với việc tài sản có ngoại tệ nhỏ hơn tài sản nợ ngoại tệ. Nghĩa là tài sản ngoại tệ của nhà đầu tư bị giảm sút tại thời điểm ghi nhận. Việc sụt giảm này có thể xuất phát từ việc bán bớt tài sản. Như vậy, nếu tỷ giá ngoại tệ được ghi nhận tăng lên, nhà đầu tư sẽ bị lỗ. Còn nếu như tỷ giá giảm xuống nhà đầu tư sẽ có lãi.
- Trạng thái ngoại tệ cân bằng (Square): Tài sản có và tài sản nợ của loại ngoại tệ được ghi nhận bằng nhau. Tài sản ngoại tệ của nhà đầu tư không thay đổi. Vì thế, việc tỷ giá tăng hay giảm không làm ảnh hưởng đến lợi nhuận hay chi phí của nhà đầu tư.

Kết luận:

- Khi trạng thái ngoại tệ ròng dương (> 0): Nhà đầu tư sẽ gặp rủi ro khi tỷ giá giảm và sẽ có lợi nếu tỷ giá tăng.

- Khi trạng thái ngoại tệ ròng âm (< 0): Nhà đầu tư sẽ gặp rủi ro khi tỷ giá tăng và sẽ có lợi nếu tỷ giá giảm.
- Khi trạng thái ngoại tệ cân bằng (= 0): Nhà đầu tư không gặp phải rủi ro về tỷ giá.

Như vậy, chúng ta vừa tìm hiểu về trạng thái ngoại tệ và trạng thái luồng tiền, phân tích những rủi ro của nhà đầu tư khi duy trì trạng thái ngoại tệ ròng và luồng tiền ròng không cân bằng (# 0). Vậy nếu đang ở trạng thái không cân bằng, nhà đầu tư cần làm gì để có thể cân bằng các trạng thái này. Bảng dưới đây đưa ra một số phương án cân đối trạng thái ngoại tệ và luồng tiền.

Trạng thái	Cách cân đối trạng thái
Trạng thái luồng tiền ròng âm (Luồng tiền vào < Luồng tiền ra)	- Vay thêm lượng tiền còn thiếu - Mua thêm lượng tiền còn thiếu
Trạng thái luồng tiền ròng dương (Luồng tiền vào > Luồng tiền ra)	- Gửi/ Cho vay lượng tiền dư thừa - Bán bớt lượng tiền dư thừa
Trạng thái ngoại tệ dương (Tài sản có ngoại tệ > Tài sản nợ ngoại tệ)	- Bán bớt lượng ngoại tệ dư thừa
Trạng thái ngoại tệ âm (Tài sản có ngoại tệ < Tài sản nợ ngoại tệ)	- Mua thêm lượng ngoại tệ còn thiếu

3. Thực hành ghi nhận trạng thái ngoại tệ và luồng tiền

3.1. Tình huống 1:

Hôm nay, tại ngân hàng ABC phát sinh các giao dịch như sau:

1. Vay USD1,000,000 từ ngân hàng đối tác. Kỳ hạn: 30 ngày.
2. Bán giao ngay USD1,000,000 cho ngân hàng đối tác.
3. Cho khách hàng A vay USD15,000. Kỳ hạn: 183 ngày.
4. Bán kỳ hạn USD550,000 cho công ty B. Tỷ giá: $F_{31(USD/VND)}$: 22,825.
5. Mua giao ngay USD1,500 từ khách hàng vãng lai.
6. Gửi số tiền VND thu được từ giao dịch (2) trên thị trường liên ngân hàng. Kỳ hạn 30 ngày.

Thông tin trên thị trường vào ngày hôm đó như sau:

- *Thị trường liên ngân hàng:*

$i_{(VND)}$: 4.0 – 4.5%/năm $i_{(USD)}$: 1.7 – 2.5%/năm $S_{(USD/VND)}$: 22.700 – 22.705

- *Thị trường bán lẻ*

$i_{(VND)}$: 6.0 – 9.0%/năm $i_{(USD)}$: 0 – 3.5%/năm $S_{(USD/VND)}$: 22,680 – 22,730

Hãy ghi nhận trạng thái ngoại tệ và luồng tiền phát sinh trong ngày hôm đó tại ngân hàng.

→ *Hướng dẫn ghi nhận trạng thái ngoại tệ và luồng tiền tại ngân hàng:*

Ngày	Giao dịch	Trạng thái ngoại tệ (USD)	Trạng thái luồng tiền	
			USD	VND
Hôm nay	1. Vay USD từ NH khác (2.5%; 30 ngày)	- 2,054.79	+ 1,000,000	
	2. Bán giao ngay USD cho NH khác (S:22,700)	-1,000,000	- 1,000,000	+ 22,700,000,000
	4. Cho KH vay USD (3.5%; 183 ngày)	+ 263.22	- 15,000	
	5. Bán kỳ hạn USD KH (F: 22,825; 31 ngày)	- 550,000		
	5. Mua giao ngay USD KH (S: 22,680)	+ 1,500	+ 1,500	- 34,020,000
	6. Gửi VND cho khác (4.0%; 30 ngày)			- 22,700,000,000
	Trạng thái ròng cuối ngày	*- 1,550,291.58*	*- 13,500*	*+ 34,020,000*

3.2. Tình huống 2:

Ngày 29/05/N, tại công ty Alpha phát sinh các giao dịch sau:

STT	Nội dung giao dịch
1	Ký hợp đồng xuất khẩu với đối tác A. Giá trị hợp đồng: EUR150,000. Ngày thanh toán theo hợp đồng: 29/07/N
2	Bán kỳ hạn EUR150,000 cho ngân hàng. Tỷ giá: $F_{61(EUR/VND)}$: 25,890. Ngày thanh toán: 29/07/N
3	Mua giao ngay EUR từ ngân hàng. Số lượng: EUR90,000. Tỷ giá $S_{(EUR/VND)}$: 25,780
4	Vay số tiền VND cần để thanh toán cho giao dịch (3). Kỳ hạn: 30 ngày. Lãi suất i_{EUR}: 4.0%
5	Thanh toán tiền mua nguyên liệu cho đối tác. Giá trị thanh toán: EUR90,000

Hãy ghi nhận trạng thái ngoại tệ và luồng tiền phát sinh tại cty Alpha vào ngày hôm nay.

→ *Hướng dẫn ghi nhận trạng thái ngoại tệ và luồng tiền tại công ty:*

Ngày	**Giao dịch**	**Trạng thái ngoại tệ (EUR)**	**Trạng thái luồng tiền**	
			EUR	**VND**
Hôm nay	1. Ký hợp đồng xuất khẩu	+150,000		
	2. Bán kỳ hạn EUR cho NH $F_{61(EUR/VND)}$: 25,890	-150,000		
	3.Mua giao ngay EUR từ NH $S_{(EUR/VND)}$: 25,780	+90,000	+90,000	-2,320,200,000
	4.Vay VND (4.0%; 30 ngày)			+2,320,200,000
	5. Thanh toán tiền hàng	-90,000	-90,000	
	Trạng thái ròng cuối ngày	*0*	*0*	*0*